

Bản án số: 12/2021/DS-PT  
Ngày 30-3-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quốc Hương

*Các Thẩm phán:* Ông Lương Đức Dương và bà Bùi Thị Ngọc

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lương Thúy Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 30-3-2021, tại trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2021/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2020/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng M

Địa chỉ trụ sở: Số a, đường C, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đ - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Đinh Anh T – Chức vụ: Giám đốc MBAMC Đà Nẵng – Vắng mặt

Ông Nguyễn Hồng Đ - Chức vụ: Trưởng DML – Vắng mặt

Ông Nguyễn Lê Anh K – Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ - Có mặt

Địa chỉ trụ sở làm việc: Ngân hàng M phòng giao dịch chi nhánh Đắk Lắk; số a, đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*2. Bị đơn:* Ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P – Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 07, xã Năm N’Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 6 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thế T trình bày:

Ngày 25-10-2017, ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P có vay vốn tại Ngân hàng M phòng giao dịch Đắk Lắk số tiền 550.000.000đ (*Năm trăm năm mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số: 694510.17.340.3541130.TD. Thời hạn vay là 120 tháng; mục đích vay để đầu tư xây dựng bờ rào, khoan giếng, hệ thống ống ngầm phục vụ hoạt động trồng và chăm sóc vườn cà phê xen canh hồ tiêu của khách hàng. Lãi suất 10.7%/năm. Lịch trả nợ gốc là 11 kỳ (từ kỳ thứ 2 đến kỳ thứ 10 mỗi kỳ là 12 tháng) vào ngày 25 của tháng dương lịch cuối cùng của kỳ trả nợ gốc. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 25-5-2018. Ngày trả nợ cuối cùng không muộn hơn ngày kết thúc khoản vay, cụ thể: Kỳ 1 trả 25.000.000đ, từ kỳ 2 đến kỳ 10 mỗi kỳ trả 55.000.000đ, kỳ 11 trả 30.000.000đ.

Để đảm bảo khoản nợ trên, ông Đ và bà P thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của các thửa đất số: 26; 32, tờ bản đồ số: 81, diện tích: 9208m<sup>2</sup>, tọa lạc tại: xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là QSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 728489, do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 23-01-2013, mang tên ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P thông qua Hợp đồng thế chấp số: 694515.17.340.3541130.BĐ ngày 25-10-2017 giữa ông Đ và bà P với Ngân hàng M phòng giao dịch chi nhánh Đắk Lắk.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ và bà P đã không thực hiện trả nợ đúng như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, cụ thể: Tính đến ngày 28-10-2020 ông Đ và bà P mới trả được cho Ngân hàng M số tiền là: 84.716.163đ (*Tám mươi tư triệu bảy trăm mười sáu nghìn một trăm sáu mươi ba đồng*), trong đó: Tiền gốc: 25.000.000 đồng; tiền lãi: 59.716.163 đồng.

Tính đến ngày 28-10-2020 ông Đ và bà P còn nợ tại Ngân hàng M tổng số tiền là 660.830.780 đồng (*Sáu trăm sáu mươi triệu tám trăm ba mươi nghìn bảy trăm tám mươi đồng*), trong đó: Nợ gốc là 525.000.000 đồng; nợ lãi là 135.830.780 đồng.

Do đó, Ngân hàng M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

1. Buộc ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P phải trả cho Ngân hàng M tổng số tiền nợ là: 660.830.780đ (*Sáu trăm sáu mươi triệu tám trăm ba mươi nghìn bảy trăm tám mươi đồng*), trong đó: Nợ gốc là 525.000.000 đồng; nợ lãi là 135.830.780 đồng (tính đến ngày 28-10-2020).

2. Buộc ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P thanh toán phần nợ lãi, lãi quá hạn và các khoản phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 694510.17.340.3541130.TD ngày 25-10-2017 và khế ước nhận nợ kèm theo kể từ ngày 29-10-2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Kể từ ngày Quyết định/Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng

nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên cho Ngân hàng M, thì Ngân hàng M có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo các thỏa thuận tại các Hợp đồng thế chấp đã ký hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền cưỡng chế bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng để Ngân hàng tự mình xử lý thu hồi nợ theo quy định tại Nghị quyết số: 42/2017/QH14 ngày 21-6-2017 của Quốc Hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng; hoặc đề nghị Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng M.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P đối với Ngân hàng M. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng M.

*Bị đơn ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P trình bày:* Ông bà thừa nhận có nợ Ngân hàng M số tiền theo hợp đồng tín dụng mà ngân hàng trình bày. Đến hạn trả nợ, ông bà đã trả được cho ngân hàng một phần, số còn lại nay ông bà không có khả năng trả nợ tiếp theo đúng định kỳ như thỏa thuận tại hợp đồng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Ông Đ và bà P đồng ý trả nợ cho Ngân hàng số tiền đã vay và lãi phát sinh. Tuy nhiên, hiện nay do không có tiền để trả ngay cho ngân hàng nên yêu cầu được gia hạn thời gian trả nợ khi nào ứng được tiền lương thì ông bà sẽ trả nợ cho ngân hàng. Trường hợp không trả được nợ thì ông bà đồng ý để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01-9-2020 thể hiện: Qua kiểm tra, xác minh, đo đạc trên thực tế và ráp bản đồ thì các thửa đất số: 26; 32, tờ bản đồ số 81, diện tích: 9208m<sup>2</sup>, tọa lạc tại: xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đúng như Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài khác gắn liền với đất số BL 728489, ngày 23-01-2013 do UBND huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp cho ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P mà ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P thế chấp tại Ngân hàng M.

Tại bản án sơ thẩm số: 86/2020/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng M.

Buộc ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P phải trả cho Ngân hàng M đội tổng số tiền nợ là 660.830.780đ (*Sáu trăm sáu mươi triệu tám trăm ba mươi nghìn bảy trăm tám mươi đồng*), trong đó: tiền nợ gốc là 525.000.000đ (*Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng*); tiền nợ lãi là 135.830.780đ (*Một trăm ba mươi lăm triệu tám trăm ba mươi nghìn bảy trăm tám mươi đồng*) (tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 28-10-2020).

Trường hợp ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ thì Ngân hàng M phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: 694515.17.340.3541130.BĐ ngày 25-10-2017 giữa ngân hàng M với ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P để đảm bảo việc thu hồi nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P phải trả cho nguyên đơn số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tiền chi phí xem xét,

thẩm định tại chỗ. Tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định còn lại 1.000.000đ (Một triệu đồng) Tòa án đã hoàn trả cho nguyên đơn.

3. Về án phí: Buộc bị đơn ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P phải nộp 30.433.231đ (Ba mươi triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn hai trăm ba mươi một đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng M số tiền 14.064.000đ (Mười bốn triệu không trăm sáu mươi tư nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0001774 ngày 30-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26-11-2020, ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm trong đó yêu cầu xem xét thời hạn trả nợ, các ý kiến của ông bà trong quá trình giải quyết vụ án và yêu cầu xem xét lại phần án phí: xin miễn giảm án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự giữ nguyên lời khai như trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 86/2020/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đ và bà P phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ đã tạm ứng án phí phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Xét kháng cáo của ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1]. Ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P đều thừa nhận ngày 25-10-2017, ông Đ và bà P có vay vốn tại Ngân hàng M, thể hiện qua hợp đồng tín dụng số: 694510.17.340.3541130.TD ngày 25-10-2017 giữa Ngân hàng M với ông Đ và bà P, số tiền vay là 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) thời hạn vay là 120 tháng, lãi suất là 10.7%/năm, phương thức trả nợ là trả gốc 11 kỳ (từ kỳ thứ 2 đến kỳ thứ 10 mỗi kỳ là 12 tháng) vào ngày 25 của tháng dương lịch cuối cùng của kỳ trả nợ gốc. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 25-5-2018. Ngày trả nợ cuối cùng không muộn hơn ngày kết thúc khoản vay, cụ thể: Kỳ 1 trả 25.000.000đ, từ kỳ 2 đến kỳ 10 mỗi kỳ trả 55.000.000đ, kỳ 11 trả 30.000.000đ. Việc vay vốn này được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số:

694515.17.340.3541130.BĐ ngày 25-10-2017. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp Ngân hàng M đã giải ngân cho ông Đ bà P số tiền 550.000.000đ (*Năm trăm năm mươi triệu đồng*). Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ bà P thừa nhận do gặp khó khăn về điều kiện kinh tế nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng, cụ thể ông Đ bà P chỉ trả được 84.716.163 đ (*Tám mươi tư triệu bảy trăm mười sáu nghìn một trăm sáu mươi ba đồng*), trong đó: Tiền gốc là 25.000.000 đồng; tiền lãi là 59.716.163 đồng. Sau đó, mặc dù ngân hàng đã nhiều lần có văn bản nhắc nhở ông Đ bà P về việc trả nợ nhưng ông Đ bà P không trả thêm cho ngân hàng được khoản tiền nào kể cả gốc và lãi. Như vậy, ông Đ và bà P đã vi phạm hợp đồng, vi phạm khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự (viết tắt là BLDS): “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ...*”, dẫn đến việc toàn bộ khoản nợ của ông Đ bà P bị ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Đ và bà P đề nghị được gia hạn thêm thời gian để trả nợ, tuy nhiên Ngân hàng M không đồng ý. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng M buộc ông Đ và bà P phải trả tổng số tiền nợ là 660.830.780đ (*Sáu trăm sáu mươi triệu tám trăm ba mươi nghìn bảy trăm tám mươi đồng*), trong đó: tiền nợ gốc là 525.000.000đ (*Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng*); tiền nợ lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 135.830.780đ (*Một trăm ba mươi lăm triệu tám trăm ba mươi nghìn bảy trăm tám mươi đồng*), buộc ông Đ và bà P phải chịu chi phí xem xét thẩm định 2.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đ và bà P đối với nội dung này.

[1.2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn không có đơn xin miễn án phí, cũng không cung cấp xác nhận thuộc hộ cận nghèo theo quy định của chính phủ cho Tòa án, vì vậy Tòa án sơ thẩm quyết định buộc ông Đ và bà P phải chịu án phí sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Đ và bà P kháng cáo bản án sơ thẩm và cung cấp bổ sung giấy xác nhận thuộc hộ cận nghèo năm 2020, đồng thời có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 26-03-2021, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ và bà P xác nhận đến tháng 02-2021, gia đình của ông bà đã không còn thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của chính phủ. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm d Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, có quy định về trường hợp được miễn án phí “*...cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo...*” không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P về nội dung xin miễn án phí.

[2]. Từ phân tích và nhận định trên, không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 86/2020/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông là có căn cứ cần chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đ và bà P phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ đã tạm ứng án phí phúc thẩm.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 86/2020/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 3 Điều 92, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 298; 299, 317, 320, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng M**

Buộc ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P phải trả cho Ngân hàng M tổng số tiền nợ là 660.830.780đ (*Sáu trăm sáu mươi triệu tám trăm ba mươi nghìn bảy trăm tám mươi đồng*), trong đó: tiền nợ gốc là 525.000.000đ (*Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng*); tiền nợ lãi là 135.830.780đ (*Một trăm ba mươi lăm triệu tám trăm ba mươi nghìn bảy trăm tám mươi đồng*) (tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 28-10-2020).

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

Trường hợp ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ thì Ngân hàng M phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: 694515.17.340.3541130.BĐ ngày 25-10-2017 giữa Ngân hàng M với ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P để đảm bảo việc thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng M.

**2. Về chi phí tố tụng:** Buộc bị đơn ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P phải trả cho nguyên đơn số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định còn lại 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) Tòa án đã hoàn trả cho nguyên đơn.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P phải nộp 30.433.231đ (Ba mươi triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn hai trăm ba mươi một đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng M số tiền 14.064.000đ (Mười bốn triệu không trăm sáu mươi tư nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0001774 ngày 30-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Văn Đ và bà Trần Thị P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số: 0005034 ngày 14-12-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận**

- TAND Cấp cao tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- TAND huyện Đắk Song ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Quốc Hương**

